LAO ĐỘNG LÀM THUÊ VÀ TƯ BẢN[298]

I

Khuên, ngày 4 tháng Tư[1*]. Từ bốn phía, chúng tôi đều nghe thấy những lời trách cứ là đã không trình bày những *quan hệ kinh tế* đang cấu thành cơ sở vật chất của cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc hiện nay. Chúng tôi chỉ có ý định đề cập tới những quan hệ đó khi chúng trực tiếp nổi lên hàng đầu trong những cuộc xung đột chính trị.

Trước hết, cần phải theo dõi cuộc đấu tranh giai cấp trong tiến trình lịch sử trước mắt và trên cơ sở tài liệu lịch sử hiện có và ngày càng nhiều để chứng minh trên cơ sở kinh nghiệm rằng cùng với việc làm thất bại giai cấp công nhân, giai cấp đã thực hiện cuộc Cách mạng tháng Hai và tháng Ba, thì những kẻ thù của họ cũng đã bị đánh bại: những người theo phái cộng hòa tư sản ở Pháp, các giai cấp tư sản và nông dân đang đấu tranh chống chế độ chuyên chế phong kiến trên khắp lục địa châu Âu; rằng thắng lợi của "nền cộng hòa lương thiện" ở Pháp đồng thời cũng là thất bại của những dân tộc đã hưởng ứng cuộc Cách mạng tháng Hai bằng những cuộc chiến tranh anh dũng giành độc lập; rằng cuối cùng do sự thất bại của công nhân cách mạng, châu Âu lại rơi vào tình trạng cũ là bị hai tròng nô lệ, nô lệ cho cả *Anh* lẫn *Nga.* Trận chiến đấu tháng Sáu ở Pa-ri, sự thất thủ của thành Viên, tấn bi hài kịch ở Béc-lin hồi tháng

1* Trong các lần xuất bản lẻ tác phẩm "Lao động làm thuê và tư bản", trong đó kể cả lần xuất bản năm 1891, ngày tháng ghi trên đầu các bài đều bị bỏ đi.

Mười một[1*], những cố gắng tuyệt vọng của Ba Lan, của I-ta-li-a và của Hung-ga-ri, việc bóp nghẹt Ai-rơ-len bằng nạn đói, - đó là những sự kiện chủ yếu biểu hiện một cách tập trung cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân châu Âu, những sự kiện mà chúng ta đã dùng để chứng minh rằng bất kỳ cuộc khởi nghĩa cách mạng nào, dù mục đích của nó có vẻ xa xôi như thế nào chăng nữa đối với cuộc đấu tranh giai cấp, đều nhất định phải thất bại khi giai cấp công nhân cách mạng chưa thắng lợi; rằng mọi cuộc cải cách xã hội đều vẫn sẽ là một ảo tưởng khi cuộc cách mạng vô sản và thế lực phản cách mạng phong kiến còn chưa đọ kiếm với nhau trong một cuộc *chiến tranh thế giới.* Trong sự trình bày của chúng tôi, cũng như trong hiện thực, nước *Bỉ* và nước *Thụy Sĩ* là những bức tranh thuộc loại bi hài và biếm họa nằm trong một bức tranh toàn cảnh to lớn của lịch sử: một nước được thể hiện ra là một quốc gia mẫu mực của chế độ quân chủ tư sản, còn nước kia là một quốc gia mẫu mực của chế độ cộng hòa tư sản; cả hai đều là những nước tưởng rằng mình không liên quan gì đến đấu tranh giai cấp và cách mạng Âu châu cả.

Bây giờ, sau khi các bạn đọc đã thấy cuộc đấu tranh giai cấp năm 1848 phát triển với những hình thức chính trị đồ sộ, thì đã đến lúc, có thể xem xét kỹ hơn bản thân những quan hệ kinh tế làm cơ sở cho sự tồn tại của giai cấp tư sản và sự thống trị giai cấp của nó, cũng như tình trạng nô lệ của công nhân.

Chúng tôi sẽ trình bày thành ba phần lớn: 1) quan hệ giữa *lao động làm thuê và tư bản,* tình trạng nô lệ của công nhân, sự thống trị của nhà tư bản; 2) *quá trình diệt vong tất yếu của những giai cấp tư sản trung đẳng và của đẳng cấp nông dân*[2*] *trong chế độ hiện tại*; 3) việc nước Anh, kẻ độc tài trên thị trường thế giới, *dùng*

1* Trong lần xuất bản năm 1891, sau những chữ "Béc-lin hồi tháng Mười một" còn có thêm những chữ "năm 1848".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ *"đẳng cấp nông dân"* là những chữ *"cái gọi là đẳng cấp thị dân"*.

thương nghiệp để nô dịch và bóc lột các giai cấp tư sản các nước ở châu Âu.

Chúng tôi sẽ cố trình bày thật đơn giản và thật đại chúng, giả định rằng bạn đọc còn chưa biết đến ngay cả những khái niệm cơ bản nhất của môn kinh tế chính trị. Chúng tôi muốn rằng công nhân hiểu được chúng tôi. Thêm nữa, ở nước Đức, từ những kẻ bảo vệ có môn bài cho trật tự hiện tồn, cho đến những **thầy lang băm xã hội chủ nghĩa và những thiên tài chính trị chưa được công nhận** mà nước Đức chia năm xẻ bảy có nhiều hơn là các vị "phụ mẫu của dân", đâu đâu cũng ngự trị một tình trạng dốt nát và mơ hồ hết sức lạ lùng trong việc nhận thức những quan hệ kinh tế đơn giản nhất.

Vậy, chúng ta hãy đề cập trước hết đến vấn đề thứ nhất: **Tiền công là gì? Tiền công được quy định như thế nào?**

Nếu người ta hỏi công nhân: "Tiền công của các bạn được bao nhiêu?", thì một người trả lời: "Một ngày lao động, ngài tư sản của tôi trả cho tôi 1 phrăng"[1*], người khác thì: "Tôi lĩnh 2 phrăng", v.v.. Do họ lao động trong những ngành khác nhau, họ sẽ kể ra những món tiền khác nhau mà họ nhận của nhà tư sản thuê họ để thực hiện một thời gian lao động nhất định hay[2*] một công việc nhất định, thí dụ như dệt một ác-sin vải, hay là xếp chữ một tờ in. Mặc dầu họ nêu lên những số tiền khác nhau, nhưng họ đều nhất trí trên một điểm: tiền công là số tiền mà chủ tư bản trả cho một thời gian lao động nhất định, hay cho việc thực hiện một công việc nhất định.

Vậy [3*], nhà tư sản dùng tiền để *mua* lao động của công nhân.

Công nhân *bán* lao động của mình cho nhà tư sản để lấy tiền[4*].

1* Trong lần xuất bản năm 1891, sau chữ "Vậy" còn có thêm mấy chữ "hình như là".

2* Trong lần xuất bản năm 1891 những chữ "một thời gian lao động nhất định hay" đã được xóa đi.

3* Trong lần xuất bản năm 1891, sau chữ "Vậy" còn có thêm mấy chữ "hình như là".

4* Trong lần xuất bản năm 1891, sau câu này còn có thêm một đoạn như sau: "Nhưng đó chỉ là cái vẻ bề ngoài mà thôi. Trên thực tế, cái mà họ bán cho nhà tư bản để lấy tiền, chính là sức lao động của họ. Nhà tư bản mua sức lao động đó trong một ngày, một tuần, một tháng v.v.. Và một khi đã mua rồi, thì hắn tiêu dùng sức lao động đó bằng cách bắt người công nhân lao động trong thời gian đã giao ước".

Với số tiền mà nhà tư sản đã dùng để mua lao động[1*] của người công nhân, ví dụ là 2 phrăng, thì cũng sẽ có thể mua được 2 pao đường hay một số lượng nhất định một thứ hàng hóa nào khác. 2 phrăng mà nhà tư bản đã dùng để mua 2 pao đường, là *giá cả* của 2 pao đường. 2 phrăng mà hắn đã dùng để mua mười hai giờ lao động[2*], là giá cả của mười hai giờ lao động. Do đó, lao động[3*] là một hàng hóa, chẳng khác đường một chút nào cả. Hàng hóa thứ nhất được đo bằng đồng hồ, hàng hóa thứ hai được đo bằng cân.

Công nhân đem hàng hóa của mình, tức là lao động[4*], đổi lấy hàng hóa của nhà tư bản, đổi lấy tiền, hơn nữa, sự trao đổi ấy được thực hiện theo một tỷ lệ nhất định. Từng này tiền thì đổi được từng này thời gian lao động[5*]. Lao động 12 giờ của người thợ dệt đổi lấy 2 phrăng. Nhưng 2 phrăng đó há lại không đại biểu cho tất cả những hàng hóa khác mà người ta có thể mua được bằng 2 phrăng sao? Vậy, về thực chất, người công nhân đã đổi hàng hóa của mình, tức là lao động, để lấy mọi thứ hàng hóa khác[6*] và đổi như thế theo một tỷ lệ nhất định. Khi trả cho công nhân 2 phrăng, nhà tư bản đã trả cho họ chừng này thịt, chừng này quần áo, chừng này củi, ánh sáng v.v., để đổi lấy một ngày lao động của họ. Do đó, 2 phrăng ấy biểu hiện tỷ lệ theo đó lao động[7*] được đổi lấy những hàng hóa khác, tức là biểu hiện *giá trị trao đổi* của lao động[8*] của họ. Giá trị trao đổi của một hàng hóa, biểu hiện bằng *tiền*, chính là cái mà người ta gọi là *giá cả* của hàng hóa đó. Vậy *tiền công* chỉ là một cái tên riêng của *giá cả lao động*[9*], giá cả của thứ hàng hóa độc đáo ấy, thứ hàng hóa

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho câu "nhà tư sản mua lao động của họ" là câu "nhà tư bản mua sức lao động của họ".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "tiêu dùng sức lao động".

3* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

4* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

5* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "tiêu dùng sức lao động".

6* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động để lấy mọi thứ khác", là những chữ "sức lao động để lấy mọi thứ hàng hóa khác".

7* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

8* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

9* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ *"giá cả lao động"* là một đoạn như sau: "giá cả sức lao động, mà người ta thường gọi là *giá cả lao động"*.

chỉ tồn tại trong thịt và máu của con người mà thôi.

Chúng ta hãy lấy bất kỳ người công nhân nào, ví dụ một người thợ dệt chẳng hạn. Nhà tư sản[1*] cung cấp cho anh ta máy dệt và sợi. Người thợ dệt bắt tay vào việc và sợi biến thành vải. Nhà tư sản[2*] thu số vải đó và đem bán được 20 phrăng chẳng hạn. Tiền công của người thợ dệt có phải là *một phần* của số vải đó, *một phần* của 20 phrăng, *một phần* của sản phẩm lao động của anh ta không? Hoàn toàn không phải! Vì người thợ dệt đã lĩnh tiền công rất lâu trước khi vải được bán đi, có thể là rất lâu trước khi vải được dệt ra. Do đó, nhà tư bản trả số tiền công đó không phải bằng số tiền sẽ nhận được khi bán vải mà bằng số tiền hắn có trong dự trữ của hắn. Máy dệt và sợi không phải là sản phẩm của người thợ dệt được nhà tư sản giao cho những thứ ấy, thì những hàng hóa mà người thợ dệt đã đổi được bằng hàng hóa của mình, tức là lao động[3*] cũng thế, cũng không phải là sản phẩm của anh ta. Có thể xảy ra trường hợp là nhà tư bản không tìm ra ai mua vải cho hắn ta cả. Có thể là khi bán vải, y thậm chí không thu được số đã chi cho tiền công. Có thể là hắn bán vải rất hời so với số tiền công trả cho người thợ dệt. Tất cả những điều đó không dính dáng gì tới người thợ dệt cả. Với một phần tài sản hiện có, một phần tư bản của mình, nhà tư bản mua lao động[3*] của người thợ dệt, cũng hoàn toàn giống như hắn đã dùng một phần tài sản khác để mua nguyên liệu như sợi, và công cụ lao động như máy dệt. Sau khi đã mua như vậy rồi, - trong đó có mua cả lao động cần thiết để sản xuất ra vải[4*], - nhà tư bản bắt tay vào sản xuất; hơn nữa, *nguyên liệu và công cụ lao động* chỉ *thuộc* riêng của *hắn* thôi. Trong số những thứ ấy, có cả người thợ dệt tốt bụng của chúng ta nữa, người thợ dệt này cũng giống cái máy dệt, không có một phần nào trong sản phẩm hay trong giá cả của sản phẩm đó cả.

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "nhà tư bản".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "nhà tư sản " là những chữ "sức lao động".

3* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

4* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động cần thiết để sản xuất ra vải" là những chữ "sức lao động cần thiết để sản xuất ra vải".

Vậy tiền công không phải là cái phần của người công nhân trong hàng hóa do anh ta sản xuất ra. Tiền công là cái phần hàng hóa đã có sẵn mà nhà tư bản dùng để mua cho mình một số lượng lao động sản xuất[1*] *nhất định.*

Tóm lại, lao động[2*] là một hàng hóa mà người chủ của nó, tức là người công nhân làm thuê, bán cho tư bản.

Tại sao anh ta lại bán nó đi? Để sống.

Nhưng[3*] lao động là hoạt động sinh sống của người công nhân, là biểu hiện của sự sống của bản thân anh ta. Và chính cái *hoạt động sinh sống* ấy là cái mà người công nhân đem bán cho người khác để đảm bảo cho mình những *tư liệu sinh hoạt* cần thiết. Nghĩa là đối với anh ta, hoạt động sinh sống của anh ta chỉ là phương tiện cho phép anh ta có thể sống được. Anh ta lao động để sống. Thậm chí anh ta cũng không coi lao động là một phần cuộc sống của mình, ngược lại, đối với anh ta, lao động có nghĩa là hy sinh cuộc sống của mình. Lao động là một hàng hóa mà anh ta đã bán cho người khác. Vì vậy, sản phẩm hoạt động của anh ta không còn là mục đích hoạt động của anh ta nữa. Cái mà người công nhân sản xuất cho bản thân thì không phải là lụa mà anh ta dệt ra, không phải là vàng mà anh ta khai ở dưới mỏ lên, không phải là lâu dài mà anh ta xây dựng. Cái mà anh ta sản xuất cho bản thân chính là *tiền công;* còn đối với anh ta, lụa, vàng, lâu đài biến thành một số lượng nhất định những tư liệu sinh hoạt, có thể là thành một chiếc áo vải bông, thành đồng tiền đồng, thành một chỗ ở trong một hầm nhà nào đó. Và liệu một người công nhân, trong 12 giờ một ngày, dệt, kéo sợi, khoan, tiện, xây nhà, đào, đập đá, khuân vác, v.v. - liệu người đó có coi công việc dệt, kéo sợi, khoan, tiện, xây nhà, đào, đập đá trong 12 giờ đó là biểu hiện của cuộc sống của mình, là cuộc đời của mình hay không?

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động sản xuất" là những chữ "sức lao động sản xuất".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

3* Trong lần xuất bản năm 1891, sau chữ "Nhưng" còn có thêm một đoạn: "biểu hiện của sức lao động đang hoạt động".

Trái hẳn lại. Đối với anh ta, cuộc sống chỉ bắt đầu khi nào hoạt động ấy chấm dứt - bắt đầu ở chiếc bàn ăn, ở chiếc bàn của quán rượu, trên giường ngủ. Đối với anh ta, ý nghĩa của 12 giờ lao động không phải là ở chỗ dệt, kéo sợi, khoan, v.v. mà là ở chỗ: đó là phương thức kiếm được tiền, khiến cho anh ta có thể ăn, đi quán rượu, ngủ. Nếu con tằm kết kén để duy trì sự tồn tại của nó, tức là sự tồn tại của một con sâu, thì nó sẽ là một công nhân làm thuê thực thụ.

Không phải lúc nào lao động[1*] cũng là một *hàng hóa.* Không phải lúc nào lao động cũng là lao động làm thuê, nghĩa là *lao động tự do. Nô lệ* không bán lao động của mình[2*] cho chủ nô, cũng như con bò không bán sản phẩm lao động của nó cho người nông dân. Cùng với lao động của mình[3*], người nô lệ bị bán đứt cho chủ nô. Người nô lệ là một hàng hóa có thể chuyển từ tay người chủ này sang tay người chủ khác. *Bản thân người đó* là một hàng hóa, nhưng lao động[4*] không phải là hàng hóa của *anh ta. Người nông nô* chỉ bán có một phần lao động của mình[5*] thôi. Không phải anh ta nhận được tiền công do người chủ đất trả, ngược lại người chủ ruộng thu cống vật của anh ta. Người nông nô là vật phụ thuộc vào ruộng đất và đem lại quả thực cho chủ ruộng. Trái lại, *người công nhân tự do* tự bán mình, và bán dần từng phần một. Ngày này qua ngày khác, anh ta bán đấu giá 8, 10, 15 giờ cuộc sống của anh ta cho người nào trả giá cao nhất, cho những kẻ chiếm hữu nguyên liệu, công cụ lao động và tư liệu sinh hoạt, nghĩa là bán cho nhà tư bản. Người công nhân không thuộc về người chủ, cũng không thuộc về ruộng đất, nhưng 8, 10, 12, 15 giờ của cuộc sống hàng ngày của anh ta lại thuộc về người

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "không phải lúc nào lao động cũng là" là những chữ "không phải lúc nào sức lao động cũng là".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động của mình" là những chữ "sức lao động của mình".

3* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "cùng với lao động của mình" là những chữ "cùng với sức lao động của mình".

4* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

5* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động của mình" là những chữ "sức lao động của mình".

mua những giờ đó. Người công nhân hễ muốn thôi làm cho nhà tư bản thuê mình thì có thể thôi tùy theo ý muốn, và nhà tư bản khi thấy cần thải công nhân thì hắn sẽ thải ra một khi công nhân không còn đem lại cho hắn nữa, hay không đem lại lợi như hắn đã mong muốn. Nhưng người công nhân mà nguồn sinh sống độc nhất là bán lao động[1*], lại không thể rời bỏ *toàn bộ giai cấp những người mua, tức là giai cấp các nhà tư bản,* nếu anh ta không muốn bị chết đói. *Anh ta không thuộc về nhà tư sản này hay nhà tư sản khác mà thuộc về toàn bộ giai cấp các nhà tư sản*[2*] và công việc của anh ta là tìm được một người chủ, nghĩa là tìm một người mua trong giai cấp các nhà tư sản[3*].

Giờ đây, trước khi nghiên cứu chi tiết hơn nữa những quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê, chúng tôi trình bày vắn tắt những điều kiện chung nhất mà chúng ta phải tính đến trong việc quy định tiền công.

Như chúng ta đã thấy, *tiền công* là *giá cả* của một hàng hoá nhất định, - của lao động[4*]. Cho nên tiền công cũng được quyết định bởi những quy luật quyết định giá cả của tất cả mọi hàng hóa khác.

Vậy thử hỏi: *giá cả của một hàng hóa được quyết định như thế nào?*

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "bán lao động" là những chữ "bán sức lao động".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho câu "*không thuộc về nhà tư sản này hay nhà tư sản khác, mà thuộc về toàn bộ giai cấp các nhà tư sản*" là câu *"không thuộc về nhà tư bản này hay nhà tư bản khác, mà thuộc về toàn bộ giai cấp các nhà tư bản"*.

3* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "giai cấp các nhà tư sản" là những chữ "giai cấp các nhà tư bản".

4* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

II

Khuên, ngày 5 tháng Tư. Cái gì quyết định *giá cả* của một hàng hoá?

Chính là sự cạnh tranh giữa những người mua và những người bán, là quan hệ của cầu với cung, của cung với cầu. Cạnh tranh, nhờ nó mà giá cả của một hàng hóa được quyết định, *có ba mặt.*

Cùng một thứ hàng hóa có nhiều người bán. Kẻ nào bán hàng hóa cùng một phẩm chất mà lại rẻ nhất thì kẻ ấy chắc chắn là đánh bạt được những người bán khác và bảo đảm cho mình bán được nhiều nhất. Như thế là những người bán đấu tranh với nhau để tiêu thụ hàng hóa, để giành thị trường. Mỗi người trong bọn họ đều muốn bán, bán thật nhiều, và nếu có thể thì chỉ có một mình y bán thôi, bằng cách loại trừ những người bán khác. Vì thế nên người này bán rẻ hơn người kia. Do đó, *giữa những người bán* diễn ra một sự *cạnh tranh* làm cho giá cả những *hàng hóa* đem bán *hạ xuống.*

Nhưng *giữa những người mua* cũng diễn ra *một sự cạnh tranh* làm cho giá cả những hàng hóa đem bán tăng lên.

Sau cùng, *có một sự cạnh tranh giữa những người bán và những người mua;* người mua muốn mua cho thật rẻ, người bán muốn bán cho thật đắt. Kết quả của sự cạnh tranh này giữa những người mua và người bán là tùy thuộc vào tương quan của hai phe cạnh tranh nói trên, nghĩa là sẽ tùy thuộc vào chỗ, ở đâu cạnh tranh mạnh hơn, ở phe người mua hay ở phe người bán. Công nghiệp đưa hai đạo quân đó ra chọi nhau trên chiến trường; hơn nữa trong hàng ngũ của bản thân mỗi một đạo quân đó, lại có cuộc đấu tranh nồi da xáo thịt. Đạo quân nào mà trong hàng ngũ ít xảy ra đánh nhau hơn thì đạo quân ấy sẽ thắng đối phương.

Giả sử rằng trên thị trường có 100 kiện bông; trong khi đó, những người mua lại cần đến 1.000 kiện như vậy. Như thế là trong trường hợp này, số cầu lớn gấp 10 lần số cung. Như vậy cạnh tranh giữa những người mua sẽ rất mạnh; mỗi người trong bọn họ đều cố giành

giật cho mình dầu chỉ là một kiện, và nếu có thể thì chiếm cả 100 kiện. Ví dụ đó không phải là một giả thiết tùy tiện. Trong lịch sử thương mại, chúng ta đã từng chứng kiến những thời kỳ mất mùa bông như vậy, khi ấy một số nhà tư bản liên hiệp với nhau đã mưu toan mua không phải là 100 kiện mà mua hết toàn bộ dự trữ bông trên toàn thế giới. Vậy trong trường hợp đã dẫn, mỗi một người mua đều có loại trừ người mua khác bằng cách đề nghị một giá cả tương đối cao hơn cho một kiện bông. Thấy cuộc đấu tranh nồi da xáo thịt khốc liệt trong hàng ngũ của quân thù và thấy hoàn toàn chắc chắn là sẽ bán được hết 100 kiện bông của mình, những người bán bông sẽ tránh không đánh nhau để hạ giá cả hàng hóa của mình xuống, khi mà những đối thủ của mình đang thi nhau nâng vọt giá bông lên. Thế là bỗng nhiên hòa bình lại được kiến lập trong phe của những người bán. Muôn người như *một*, họ đứng trước những người mua, khoanh tay một cách triết lý, và những đòi hỏi của họ sẽ không có giới hạn nào cả, nếu những đề nghị của chính ngay những người mua cay cú nhất cũng không có những giới hạn rất xác định.

Như vậy, nếu số cung về một hàng hóa nào đó thấp hơn số cầu về hàng hóa đó thì cạnh tranh hoàn toàn không có hoặc gần như không có giữa đám người bán. Sự cạnh tranh giữa những người bán mà giảm đi bao nhiêu thì sự cạnh tranh giữa những người mua lại tăng lên bấy nhiêu. Kết quả là giá cả hàng hóa tăng lên hoặc ít hoặc nhiều.

Như mọi người đều biết là trường hợp ngược lại, với kết quả ngược lại, thường xảy ra hơn: số cung cao hơn số cầu rất nhiều, sự cạnh tranh quyết liệt giữa những người bán, tình trạng thiếu người mua, hàng hóa bán với giá rẻ mạt.

Nhưng lên giá, hạ giá nghĩa là gì, giá cao, giá thấp nghĩa là gì? Một hạt cát nhìn qua kính hiển vi thì có vẻ lớn, còn so với trái núi thì ngọn tháp có vẻ nhỏ. Và nếu giá cả là do tương quan giữa cung và cầu quyết định, thì cái gì quyết định tương quan giữa cung và cầu?

Chúng ta hãy hỏi bất kỳ nhà tư sản nào. Chẳng ngập ngừng gì cả và hệt như một A-lếch-xan-đrơ xứ Ma-xê-đoan mới, hắn sẽ chặt một nhát là đứt phăng ngay cái nút siêu hình ấy nhờ bảng cửu

chương. Hắn sẽ trả lời chúng ta rằng: nếu hàng hóa tôi đem bán làm cho tôi tốn 100 phrăng để sản xuất ra nó và nếu - dĩ nhiên là sau thời hạn một năm - tôi bán hàng hóa đó được 110 phrăng thì đó là một món lợi nhuận vừa phải, thật thà, chính đáng. Nhưng nếu khi trao đổi tôi thu được 120, 130 phrăng thì đó là một lợi nhuận cao; và cuối cùng nếu tôi bán được đến 200 phrăng thì lúc đó sẽ là một món lợi nhuận to lớn, đặc biệt. Như vậy, nhà tư sản dùng cái gì làm *thước đo* lợi nhuận của hắn? Dùng *chi phí sản xuất* ra hàng hóa của hắn. Nếu khi trao đổi hàng hóa ấy, hắn nhận được một số hàng hóa khác, được sản xuất ra ít tốn kém hơn là hàng hóa của hắn thì hắn bị lỗ. Nếu trong trao đổi, hắn nhận được một số hàng hóa khác mà việc sản xuất ra tốn kém hơn thì hắn được lời. Hắn đo việc giảm hay tăng lợi nhuận của hắn theo cái nấc mà giá trị trao đổi của hàng hóa của hắn nằm thấp hơn hay cao hơn con số không - tức *chi phí sản xuất.*

Vậy chúng ta thấy rằng sự thay đổi trong tương quan giữa cung và cầu gây ra tình trạng khi thì lên giá khi thì xuống giá, khi thì giá cao, khi thì giá thấp.

Nếu do số cung không đủ hay do số cầu lên cao quá mức mà giá cả một hàng hóa tăng lên rất nhiều, thì giá cả một hàng hóa khác nào đó nhất định phải hạ thấp xuống một cách tương ứng, vì giá cả của một hàng hóa chỉ biểu hiện bằng tiền, cái tỷ lệ theo đó những hàng hóa khác được đem đổi với hàng hóa đó, mà thôi. Ví dụ, nếu giá cả một ác-sin lụa tăng từ 5 đến 6 phrăng thì giá cả của bạc cũng đã xuống so với lụa và tất cả những hàng hóa khác mà giá cả vẫn giữ nguyên không thay đổi, cũng hạ xuống so với lụa. Giờ đây, muốn đổi những hàng hóa đó lấy cùng một số lụa như trước kia thì phải đổi một số lượng hàng hóa lớn hơn. Giá cả của một hàng hóa mà ngày càng tăng thì hậu quả sẽ ra sao? Tư bản sẽ đổ xô hàng đống vào ngành công nghiệp đang thịnh vượng, và tình trạng tư bản chạy vào ngành công nghiệp được ưu đãi đó sẽ kéo dài cho tới khi lợi nhuận trong ngành công nghiệp này lại hạ xuống ngang mức bình thường, hay nói cho đúng ra là cho tới khi giá cả sản phẩm của ngành đó, vì sản xuất thừa, sụt xuống thấp hơn chi phí sản xuất.

Ngược lại. Nếu giá cả một hàng hóa nào đó sụt xuống thấp hơn

chi phí sản xuất ra nó thì các tư bản sẽ rút ra khỏi ngành sản xuất hàng hóa đó. Trừ trường hợp một ngành công nghiệp nào đó không còn đáp ứng được những yêu cầu của thời đại nữa và vì vậy mà phải tiêu vong thì việc sản xuất ra hàng hóa đó, nghĩa là số cung về hàng hóa đó, do tư bản rút lui như thế, sẽ giảm xuống cho đến khi việc sản xuất hàng hóa đó lại phù hợp với số cầu, tức là cho đến khi giá cả hàng hóa đó lại tăng lên bằng mức chi phí sản xuất ra nó, hay nói cho đúng hơn, cho đến khi số cung tụt xuống thấp hơn số cầu, nghĩa là cho đến khi giá cả hàng hóa đó lại tăng lên cao hơn chi phí sản xuất ra nó, *vì giá cả thông thường của hàng hóa luôn luôn thấp hơn hay cao hơn chi phí sản xuất ra hàng hóa đó.*

Chúng ta thấy rằng tư bản không ngừng chạy ra và chạy vào, chuyển từ ngành công nghiệp này sang ngành công nghiệp khác. Giá cả cao gây ra tình trạng chảy vào quá mạnh, giá cả thấp lại gây ra tình trạng chạy ra quá mạnh.

Xét vấn đề theo một quan điểm khác, chúng ta có thể chỉ ra rằng không những cung mà cả cầu nữa, đều do chi phí sản xuất quyết định. Nhưng như thế, chúng ta sẽ đi quá xa vấn đề của chúng ta mất.

Chúng ta vừa thấy rằng những biến động của cung và cầu luôn luôn đưa giá cả hàng hóa đến ngang mức chi phí sản xuất. *Thật ra giá cả thực tế của một hàng hóa bao giờ cũng cao hơn hay thấp hơn chi phí sản xuất; nhưng giá cao và giá thấp bù trừ lẫn nhau,* thành thử trong giới hạn của một khoảng thời gian nhất định, nếu ta cộng tất cả những lần chạy ra và chạy vào trong công nghiệp lại thì thấy rằng những hàng hóa được trao đổi với nhau theo chi phí sản xuất ra nó, do đó giá cả của chúng là do chi phí sản xuất ra chúng quyết định.

Không nên hiểu việc chi phí sản xuất quyết định giá cả như thế theo ý nghĩa mà các nhà kinh tế học đã hiểu. Các nhà kinh tế học nói rằng: *giá cả trung bình* của hàng hóa ngang với chi phí sản xuất; theo ý kiến của họ đó là một *quy luật.* Sự vận động vô chính phủ trong đó tình trạng giá cả tăng lên được bù bằng tình trạng giá cả hạ xuống và tình trạng giá cả hạ xuống được bù bằng tình trạng giá cả tăng lên, - sự vận động đó được họ coi là một việc ngẫu nhiên.

Cũng có thể - như những nhà kinh tế học khác - coi những biến động của giá cả là quy luật và coi việc chi phí sản xuất quyết định giá cả là một sự ngẫu nhiên. Nhưng trên thực tế, chỉ có trong tiến trình những biến động ấy, - những biến động mang theo những sự tàn phá hết sức ghê gớm và giống như những trận động đất, làm rung chuyển chính ngay những cột trụ của xã hội tư sản, như một sự nghiên cứu tỉ mỉ hơn sẽ cho ta thấy, - chỉ có trong tiến trình những biến động ấy, giá cả mới do chi phí sản xuất quyết định. Toàn bộ sự vận động của tình trạng vô trật tự đó lại là trật tự của nó. Có thể nói rằng trong tiến trình của sự vô chính phủ công nghiệp đó, trong sự vận động vòng tròn đó, cạnh tranh lấy tình trạng cực đoan này để bù lại tình trạng cực đoan kia.

Vậy, chúng ta thấy rằng chi phí sản xuất ra một hàng hóa quyết định giá cả của hàng hóa đó sao cho những thời kỳ giá cả hàng hóa đó lên cao hơn chi phí sản xuất của nó, được bù bằng những thời kỳ giá cả hàng hóa đó xuống thấp hơn chi phí sản xuất của nó, và ngược lại. Dĩ nhiên, điều đó không đúng với một sản phẩm công nghiệp nhất định, mà chỉ đúng với toàn bộ ngành công nghiệp. Do đó, điều ấy cũng không đúng đối với một nhà công nghiệp cá biệt mà chỉ đúng với toàn bộ giai cấp các nhà công nghiệp nói chung.

Việc giá cả do chi phí sản xuất quyết định cũng giống như việc giá cả do thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa quyết định, vì chi phí sản xuất gồm có: 1) nguyên liệu và công cụ lao động[1*], tức là những sản phẩm công nghiệp đòi hỏi phải tốn một số ngày lao động nhất định thì mới sản xuất ra được và do đó, đại biểu cho một số thời gian lao động nhất định, và 2) lao động trực tiếp mà thước đo của nó cũng là thời gian.

Chính những quy luật chung đó, những quy luật nói chung điều tiết giá cả hàng hóa, tất nhiên cũng điều tiết cả *tiền công*, điều tiết *giá cả lao động*.

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "công cụ lao động" là những chữ "hao mòn của công cụ lao động".

Tiền công lao động sẽ khi lên, khi xuống, tùy theo tương quan giữa cung và cầu, tùy theo sự cạnh tranh được hình thành như thế nào giữa những người mua lao động[1*], tức là những nhà tư bản và những người bán lao động[1*], tức là công nhân. Nói chung, những biến động của tiền công ăn khớp với những biến động trong giá cả hàng hóa. *Nhưng trong phạm vi của những biến động đó, giá cả lao động sẽ do chi phí sản xuất quyết định, do thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó, tức là ra lao động, quyết định*[2*].

Nhưng chi phí sản xuất của bản thân lao động[3*] *là gì?*

Đó là những chi phí cần thiết để bảo tồn người công nhân với tính cách là công nhân, và để đào tạo người đó thành công nhân.

Bởi vậy, một lao động nào đó mà càng đòi hỏi ít thời gian học nghề bao nhiêu thì chi phí sản xuất ra người công nhân lại càng ít bấy nhiêu; giá cả lao động của anh ta, tiền công của anh ta lại càng thấp bấy nhiêu. Trong những ngành công nghiệp hầu như không đòi hỏi phải có thời gian học việc và chỉ cần có sự tồn tại nhục thể của người công nhân là đủ thì những chi phí sản xuất cần thiết để tạo ra người công nhân đó hầu như chỉ quy thành những hàng hóa cần thiết để duy trì đời sống của người đó mà thôi[4*]. Chính vì thế mà *giá cả lao động của người đó sẽ do giá cả những tư liệu sinh hoạt cần thiết, quy định.*

Tuy nhiên, ở đây, còn cần phải chú ý đến một điểm nữa.

Khi tính chi phí sản xuất của hắn và căn cứ theo những chi phí sản xuất đó mà tính ra giá cả sản phẩm thì người chủ xưởng cũng tính cả sự hao mòn của công cụ lao động nữa. Ví dụ, nếu một chiếc máy hắn mua hết 1 000 phrăng và hao mòn trong 10 năm thì mỗi

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "*lao động*" là những chữ "*sức lao động*".

3* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "*bản thảo lao động*" là những chữ "*bản thảo sức lao động*".

4* - Trong lần xuất bản năm 1891, sau những chữ "đời sống" còn có thêm mấy chữ: "và năng

năm hắn thêm vào giá cả hàng hóa 100 phrăng để có thể, sau 10 năm, thay thế được chiếc máy đã hao mòn bằng một chiếc máy mới. Trong chi phí sản xuất ra lao động đơn giản[1*] thì cũng thế, cần phải tính cả những chi phí để duy trì nòi giống, cho phép giai cấp công nhân sinh sôi nảy nở và thay thế những công nhân đã mất sức lao động bằng những công nhân mới. Do đó, sự hao mòn của người công nhân cũng được tính như hao mòn máy móc.

Như vậy, chi phí sản xuất của lao động đơn giản[2*] quy lại thành *chi phí sinh hoạt của người công nhân và chi phí để tiếp tục duy trì giống nòi của anh ta.* Giá cả những chi phí sinh hoạt và chi phí để tiếp tục duy trì giống nòi đó là tiền công. Tiền công được quy định như vậy gọi là *tiền công tối thiểu.* Tiền công tối thiểu này, cũng như việc chi phí sản xuất quyết định giá cả hàng hóa nói chung, có ý nghĩa không phải đối với một *cá nhân riêng lẻ,* mà đối với toàn thể *loài*. Có những công nhân cá biệt, đông đến hàng triệu người, lĩnh không đủ để có thể tồn tại và duy trì nòi giống của mình; nhưng trong giới hạn những sự biến động của nó, *tiền công của toàn thể giai cấp công nhân* đem san bằng đi thì ngang với số tối thiểu đó.

Bây giờ, sau khi chúng ta đã đồng ý với nhau về những quy luật chung nhất điều tiết tiền công cũng như điều tiết giá cả của bất cứ hàng hóa nào khác thì chúng ta có thể đi sâu hơn nữa vào vấn đề của chúng ta.

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động đơn giản" là những "sức lao động đơn giản".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động đơn giản" là những chữ "sức lao động đơn giản".

III

Khuên, ngày 6 tháng Tư. Tư bản gồm có nguyên liệu, công cụ lao động và đủ mọi thứ tư liệu sinh hoạt dùng để sản xuất ra những nguyên liệu mới, những công cụ lao động mới và những tư liệu sinh hoạt mới. Tất cả những bộ phận cấu thành đó của tư bản đều là tác phẩm của lao động, sản phẩm của lao động, là *lao động tích lũy*. Lao động tích lũy dùng làm tư liệu cho sự sản xuất mới, là tư bản.

Những nhà kinh tế học nói như vậy đó.

Người nô lệ da đen là gì? Là một người thuộc giống da đen. Lời giải thích này cũng chẳng khác gì lời giải thích trên kia cả.

Một người da đen là một người da đen. Chỉ có trong những quan hệ nhất định, người đó mới trở thành *nô lệ*. Máy kéo sợi là một máy để kéo sợi. Chỉ có trong những quan hệ nhất định, máy ấy mới trở thành *tư bản*. Tách nó ra khỏi những quan hệ đó thì máy kéo sợi chẳng phải là tư bản nữa, cũng như tự nó, *vàng* không phải là *tiền,* hay đường không phải là *giá cả* của đường.

Trong sản xuất, người ta không chỉ quan hệ với giới tự nhiên[1*]. Người ta không thể sản xuất được nếu không kết hợp với nhau theo một cách nào đó để hoạt động chung và để trao đổi hoạt động với nhau. Muốn sản xuất được, người ta phải có những mối liên hệ và quan hệ nhất định với nhau; và quan hệ của họ với giới tự nhiên[2*], tức là việc sản xuất, chỉ diễn ra trong khuôn khổ những mối liên hệ và quan hệ xã hội đó.

Tùy theo tính chất của tư liệu sản xuất mà những quan hệ xã hội đó giữa những người sản xuất với nhau, những điều kiện trong đó

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động đơn giản" là những chữ "sức lao động đơn giản".
2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động đơn giản" là những chữ "sức lao động đơn giản".

họ trao đổi hoạt động với nhau và tham gia vào toàn bộ sự sản xuất, đương nhiên sẽ khác nhau. Do phát minh ra một công cụ mới của chiến tranh, tức là khẩu súng khai hỏa, mà toàn bộ tổ chức nội bộ của quân đội đã nhất thiết phải thay đổi, những quan hệ trong đó những cá nhân họp thành một đạo quân và có thể hành động như một đạo quân đã phải được cải tổ, những mối quan hệ giữa các đạo quân với nhau cũng đã thay đổi.

Vậy, khi những tư liệu sản xuất vật chất, những lực lượng sản xuất mà thay đổi và phát triển thì những quan hệ xã hội trong đó những cá nhân sản xuất, tức là *những quan hệ sản xuất xã hội, cũng thay đổi, biến đổi theo. Tổng hợp lại thì những quan hệ sản xuất hợp thành cái mà người ta gọi là những quan hệ xã hội, là xã hội, và hơn nữa hợp thành một xã hội ở vào một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định,* một xã hội có tính chất độc đáo riêng biệt. Xã hội *cổ đại,* xã hội *phong kiến,* xã hội *tư sản* đều là những tổng thể quan hệ sản xuất như vậy, mỗi tổng thể đó đồng thời lại đại biểu cho một giai đoạn phát triển đặc thù trong lịch sử nhân loại.

Tư bản cũng là một quan hệ sản xuất xã hội. *Đó là quan hệ sản xuất tư sản*, quan hệ sản xuất của xã hội tư sản. Tư liệu sinh hoạt, công cụ lao động, nguyên liệu họp thành tư bản, - tất cả những cái đó há chẳng phải đã được sản xuất và tích lũy trong những điều kiện xã hội nhất định, trong những quan hệ xã hội nhất định hay sao? Những thứ đó há chẳng phải được dùng cho sản xuất mới, trong những điều kiện xã hội nhất định, trong những quan hệ xã hội nhất định hay sao? Há chẳng phải chính tính chất xã hội nhất định đó đang biến những sản phẩm dùng cho sản xuất mới, *thành tư bản* hay sao?

Tư bản không chỉ gồm có tư liệu sinh hoạt, công cụ lao động và nguyên liệu, không chỉ gồm có sản phẩm vật chất, nó đồng thời cũng gồm *những giá trị trao đổi nữa.* Tất cả những sản phẩm hợp thành tư bản đều là *hàng hóa.* Như vậy, tư bản không phải chỉ là một tổng số những sản phẩm vật chất, mà còn là một tổng số những hàng

hóa, những giá trị trao đổi, những *đại lượng xã hội.*

Dù chúng ta có lấy bông thay len, lấy lúa thay lúa mì, lấy tàu thủy thay đường sắt thì tư bản vẫn là tư bản ấy, nếu như bông, lúa, tàu thủy - tức là xác thịt của tư bản - có cùng một giá trị trao đổi, cùng một giá cả với len, lúa mì, xe lửa trong đó tư bản đã nhập vào trước kia. Xác thịt của tư bản có thể thường xuyên thay đổi mà không hề gây ra một sự thay đổi nào của tư bản.

Nhưng nếu bất kỳ tư bản nào cũng là một tổng số hàng hóa, nghĩa là một tổng số giá trị trao đổi thì không phải bất kỳ tổng số hàng hóa nào, tổng số giá trị trao đổi nào, cũng là tư bản.

Bất kỳ tổng số giá trị trao đổi nào cũng là một giá trị trao đổi. Bất kỳ một giá trị trao đổi nào cũng là một tổng số giá trị trao đổi. Ví dụ, một ngôi nhà trị giá 1.000 phrăng là một giá trị trao đổi 1.000 phrăng. Một tờ giấy trị giá 1 xăng-tim[1*], là một tổng số giá trị trao đổi $\frac{100}{100}$ của xăng-tim. Những sản phẩm có thể đổi lấy những sản phẩm khác đều là *hàng hóa.* Cái tỷ số xác định theo đó những sản phẩm ấy được trao đổi với nhau, là *giá trị trao đổi* của chúng, hay nếu biểu hiện bằng tiền thì đó là *giá cả* của chúng. Số lượng của những sản phẩm đó hoàn toàn không thể làm thay đổi số phận của chúng là làm *hàng hóa,* hoặc *là* một *giá trị trao đổi*, hoặc có một *giá cả* nhất định. Một cái cây, dù lớn hay nhỏ cũng vẫn là cây thôi. Lẽ nào với tính cách là hàng hóa, là giá trị trao đổi, tính chất của sắt lại thay đổi do chỗ chúng ta sẽ đem nó trao đổi lấy những sản phẩm khác, không tính bằng lốt mà tính bằng tạ? Tùy theo số lượng của nó mà sắt là một hàng hóa có giá trị nhiều hay ít, có giá cả cao hay thấp.

Nhưng làm thế nào mà một tổng số hàng hóa, một tổng số giá trị trao đổi lại trở thành tư bản được?

Nó trở thành tư bản là do chỗ với tính cách là một *lực lượng* xã

1* Trong lần xuất bản năm 1891, từ "xăng-tim" được thay bằng từ "phen-ních".

hội độc lập, nghĩa là một lực lượng của *một bộ phận xã hội,* nó tự bảo tồn và lớn lên, bằng cách *trao đổi với lao động trực tiếp, sống*[1*]. Sự tồn tại của một giai cấp không có gì hết ngoài năng lực lao động, là tiền đề cần thiết của tư bản.

Chỉ có sự thống trị của lao động tích lũy, quá khứ, vật hóa, đối với lao động trực tiếp, sống, mới biến lao động tích lũy thành tư bản.

Thực chất của tư bản không phải là ở chỗ lao động tích lũy được dùng làm phương tiện cho lao động sống tiến hành sản xuất mới. Thực chất của nó là ở chỗ lao động sống được dùng làm phương tiện cho lao động tích lũy duy trì và tăng thêm giá trị trao đổi của nó.

Cái gì xảy ra trong sự trao đổi giữa tư bản và lao động làm thuê[2*]?

Người công nhân đổi lao động của mình[3*] lấy những tư liệu sinh hoạt, còn nhà tư bản thì đổi tư liệu sinh hoạt của hắn lấy lao động, lấy hoạt động sản xuất của người công nhân, lấy sức sáng tạo nhờ đó mà người công nhân không những hoàn lại được cái mà anh ta đã tiêu dùng mà còn *đem lại cho lao động tích lũy một giá trị lớn hơn giá trị trước kia của nó.* Người công nhân lĩnh của nhà tư bản một phần tư liệu sinh hoạt hiện có. Anh ta dùng những tư liệu sinh hoạt ấy để làm gì? Để tiêu dùng trực tiếp. Nhưng một khi tôi tiêu dùng những tư liệu sinh hoạt ấy rồi thì đối với tôi, những tư liệu đó hoàn toàn mất hẳn, trừ phi tôi dùng khoảng thời gian mà những tư liệu đó bảo đảm cho tôi sống, để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt mới, để dùng lao động của mình mà sáng tạo ra những giá trị mới hoàn lại những giá trị đã mất đi khi tôi tiêu dùng chúng. Nhưng chính cái sức tái sản xuất cao quý đó, người công nhân lại đem

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ *"lao động trực tiếp, sống"* là những chữ *"sức lao động trực tiếp, sống"*.

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "giữa tư bản và lao động làm thuê" là những chữ "giữa nhà tư bản và công nhân làm thuê".

3* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động của mình" là những chữ "sức lao động của mình".

nhường cho tư bản để đổi lấy những tư liệu sinh hoạt mà anh ta lĩnh được! Do đó, đối với bản thân anh ta, sức tái sản xuất đó đã bị mất đi rồi.

Chúng ta hãy lấy một ví dụ. Một người phéc-mi-ê trả cho người làm công nhật của mình mỗi ngày 5 din-béc-grô-sen. Nhận 5 din-béc-grô-sen đó, người làm công nhật ấy làm suốt ngày trên đám ruộng của gã phéc-mi-ê và bằng cách đó đảm bảo cho hắn có được một món thu nhập là 10 din-béc-grô-sen. Gã phéc-mi-ê không những thu lại được những giá trị mà hắn đã trả cho người làm công nhật, mà còn thu được gấp đôi số đó nữa. Như thế là hắn ta đã sử dụng, đã tiêu dùng một cách sinh lợi, một cách sản xuất, 5 din-béc-grô-sen mà hắn đã trả cho người làm công nhật. Hắn đã dùng 5 din-béc-grô-sen đó, chính là để mua lao động và sức lực của người làm công nhật, là những thứ sản xuất ra những sản phẩm có một giá trị gấp đôi và biến 5 din-béc-grô-sen thành 10 din-béc-grô-sen. Còn người làm công nhật thì đổi sức sản xuất của mình, - anh ta đã nhường tác dụng của sức sản xuất đó cho người phéc-mi-ê, - để lấy 5 din-béc-grô-sen mà anh ta lại đem đổi lấy những tư liệu sinh hoạt để tiêu dùng trong một thời gian hoặc ngắn hoặc dài. Vậy 5 din-béc-grô-sen đó đã được tiêu dùng bằng hai cách: *có tính cách tái sản xuất* đối với tư bản, vì nó đã đổi 5 din-béc-grô-sen đó lấy một sức lao động mang lại 10 din-béc-grô-sen; *có tính cách không sản xuất* đối với người công nhân, vì 5 din-béc-grô-sen đó đã được anh ta đem đổi lấy những tư liệu sinh hoạt là những thứ đã biến mất hẳn, còn muốn có được giá trị của những tư liệu sinh hoạt đó một lần nữa thì anh ta phải lặp lại sự trao đổi như thế với người phéc-mi-ê. *Vậy, tư bản giả định phải có lao động làm thuê, còn lao động làm thuê thì giả định phải có tư bản. Tư bản và lao động làm thuê quy định lẫn nhau, cái nọ tạo ra cái kia.*

Phải chăng trong một xưởng dệt vải người công nhân chỉ sản xuất ra vải không thôi? Không, anh ta sản xuất ra tư bản. Anh ta sản

xuất ra những giá trị, những giá trị này lại được dùng để thống trị lao động của anh ta nhằm dùng lao động này sáng tạo ra những giá trị mới.

Tư bản chỉ có thể sinh sôi nảy nở, nếu nó được đổi lấy lao động[1*], nếu nó tạo ra được lao động làm thuê. Lao động làm thuê[2*] chỉ có thể trao đổi được với tư bản với điều kiện là nó làm tăng thêm tư bản, thế lực nô dịch nó. *Bởi vậy sự tăng thêm của tư bản có nghĩa là sự tăng thêm của giai cấp vô sản, tức là giai cấp công nhân.*

Vì vậy, lợi ích của nhà tư bản và của công nhân là *một,* - bọn tư sản và các nhà kinh tế học của chúng khẳng định như thế. Đúng vậy! Nếu tư bản không thuê công nhân thì người công nhân sẽ chết. Nếu tư bản không bóc lột lao động [3*] thì tư bản sẽ tiêu ma, mà muốn bóc lột sức lao động thì nó phải mua sức lao động. Tư bản dùng để sản xuất, tức tư bản sản xuất, mà càng tăng nhanh, do đó công nghiệp càng phồn thịnh, giai cấp tư sản càng giàu lên, công việc làm ăn càng chạy thì nhà tư bản lại càng cần đến nhiều công nhân hơn và công nhân bán mình càng đắt hơn.

Vậy, điều kiện không thể thiếu được để cho tình cảnh của công nhân khả dĩ kham được, là *sự tăng lên càng nhanh càng tốt của tư bản sản xuất.*

Nhưng sự tăng thêm của tư bản sản xuất là gì? Đó là sự tăng thêm của quyền lực của lao động tích lũy đối với lao động sống. Đó là sự tăng thêm ách thống trị của giai cấp tư sản đối với giai cấp công nhân. Khi lao động làm thuê sản xuất ra của cải cho kẻ khác, của cải thống trị anh ta, lực lượng thù địch với anh ta, tức là tư bản,

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "Lao động làm thuê" là những chữ "Sức lao động của công nhân làm thuê".

3* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

thì nó nhận được của tư bản công ăn việc làm [Beschäfti gungsmittel] nghĩa là nhận được những tư liệu sinh hoạt, với điều kiện là lao động làm thuê lại biến thành một bộ phận của tư bản, thành cái đòn bẩy ném tư bản trở vào sự vận động được đẩy nhanh của sự sinh sôi nảy nở thêm.

Nói rằng lợi ích của tư bản và lợi ích của lao động[1*] *chỉ là một, như thế chỉ có nghĩa là: tư bản và lao động làm thuê là hai mặt của cùng một quan hệ. Mặt này quyết định mặt kia, giống như kẻ cho vay nặng lãi và kẻ hoang phí quyết định lẫn nhau.*

Chừng nào người công nhân làm thuê vẫn là công nhân làm thuê thì số phận của anh ta vẫn còn do tư bản định đoạt. Cái lợi ích chung của công nhân và của nhà tư bản mà người ta ra sức tán dương, là như thế đấy.

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lợi ích của lao động" là những chữ "lợi ích của công nhân".

IV

Khuên, ngày 7 tháng Tư. Nếu tư bản tăng lên thì khối lượng lao động làm thuê cũng tăng lên, số lượng công nhân làm thuê cũng lớn lên; tóm lại, sự thống trị của tư bản chi phối một khối người đông hơn. Chúng ta hãy giả định một trường hợp thuận lợi nhất: khi tư bản sản xuất tăng lên thì số cầu về lao động cũng tăng lên. Do đó, giá cả lao động, tức là tiền công, tăng lên.

Một ngôi nhà dù nhỏ đến đâu, nhưng chừng nào mà những ngôi nhà xung quanh cũng đều nhỏ như thế cả, thì ngôi nhà đó vẫn thỏa mãn được mọi yêu cầu xã hội về một ngôi nhà. Nhưng khi bên cạnh ngôi nhà đó, mọc lên một tòa lâu đài thì ngôi nhà đó co lại thành một túp lều. Lúc đó, ngôi nhà con là bằng chứng nói lên rằng người chủ ngôi nhà đó hoàn toàn không đòi hỏi gì hoặc rất khiêm tốn trong những đòi hỏi của mình; và dẫu cho quy mô của ngôi nhà con đó có tăng lên như thế nào chăng nữa cùng với tiến trình của nền văn minh, nhưng nếu tòa lâu đài bên cạnh cũng lớn lên với một mức độ như thế hoặc với một mức độ lớn hơn, thì kẻ ở ngôi nhà tương đối nhỏ sẽ ngày càng thấy khó chịu, càng không được thỏa mãn, càng thấy ngột ngạt trong bốn bức tường của mình.

Tiền công tăng lên trông thấy giả định có một sự tăng lên nhanh chóng của tư bản sản xuất. Sự tăng lên nhanh chóng của tư bản sản xuất cũng gây nên một sự tăng lên nhanh như vậy về của cải, sự xa hoa, những nhu cầu xã hội và những sự hưởng thụ xã hội. Như vậy, mặc dầu những sự hưởng thụ mà người công nhân có thể với tới được đã tăng thêm, nhưng chúng lại giảm đi so với những sự hưởng thụ ngày càng tăng lên của nhà tư bản mà người công nhân không

với tới được, và nói chung là so với trình độ phát triển của xã hội. Những nhu cầu và sự hưởng thụ của chúng ta là do xã hội sản sinh ra, vì vậy chúng ta đo những nhu cầu và những sự hưởng thụ đó, so với xã hội, chứ không phải so với những vật phẩm để thỏa mãn chúng, vì những nhu cầu và những sự hưởng thụ đó là có tính chất xã hội, nên chúng có tính chất tương đối.

Tiền công nói chung không phải chỉ do số lượng hàng hóa mà tôi có thể dùng tiền công để đổi lấy, quyết định. Nó chứa đựng nhiều mối quan hệ khác nhau.

Cái mà người công nhân lĩnh được trước hết về lao động[1*] của mình, là một số tiền nhất định. Có phải tiền công chỉ do cái giá cả bằng tiền đó quyết định, hay không?

Vào thế kỷ XVI, do việc phát hiện ở châu Mỹ[2*], nên số lượng vàng và bạc lưu thông ở châu Âu đã tăng lên. Vì vậy, giá trị của vàng và của bạc hạ xuống so với những hàng hóa khác. Còn công nhân thì vẫn tiếp tục lĩnh cùng một khối lượng tiền đúc bằng bạc như trước kia về sức lao động của mình. Giá cả bằng tiền của lao động của họ vẫn y như cũ, nhưng tuy vậy tiền công của họ đã hạ xuống vì trong trao đổi, cùng với một số lượng bạc ấy, họ lại nhận được một số lượng hàng hóa khác ít hơn. Đó là một trong những tình hình góp phần thúc đẩy sự tăng lên của tư bản, sự đi lên của giai cấp tư sản trong thế kỷ XVI.

Ta hãy lấy một trường hợp khác. Mùa đông năm 1847, do mất mùa, nên giá cả những tư liệu sinh hoạt cần thiết nhất như lúa mì, thịt, bơ, pho-mát, v.v., đã cao vọt lên. Cứ cho rằng công nhân vẫn

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động của mình" là những chữ "sức lao động của mình".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "phát hiện ở châu Mỹ" là những chữ "phát hiện ở châu Mỹ những mỏ giàu hơn và dễ khai thác hơn".

nhận được một số tiền như trước đây về lao động của mình[1*]. Lẽ nào tiền công của họ lại không hạ xuống? Tất nhiên là nó đã hạ xuống. Cũng với số tiền ấy, giờ đây trong trao đổi họ nhận được ít bánh, ít thịt v.v. hơn. Tiền công của họ hạ thấp xuống không phải vì giá trị của bạc hạ xuống mà vì giá trị các tư liệu sinh hoạt đã tăng lên.

Sau cùng, chúng ta hãy giả định rằng giá cả bằng tiền của lao động vẫn như cũ, trong khi đó thì giá cả tất cả những nông phẩm và sản phẩm công nghiệp đều hạ xuống do việc đem sử dụng nhiều máy móc mới và do mùa màng thuận lợi hơn, v.v. Lúc đó, với một số tiền như cũ, công nhân có thể mua được mọi loại hàng nhiều hơn. Do đó tiền công của họ đã tăng lên, chính vì giá trị bằng tiền của nó không thay đổi.

Vậy giá cả bằng tiền của lao động, tức tiền công danh nghĩa không ăn khớp với tiền công thực tế, nghĩa là không ăn khớp với số lượng hàng hóa thực sự có thể mua được bằng số tiền công. Vì vậy, khi chúng ta nói tiền công tăng hay giảm, chúng ta không được chỉ nhìn thấy có giá cả bằng tiền của lao động, tức là tiền công danh nghĩa.

Nhưng cả tiền công danh nghĩa, tức là số tiền mà người công nhân lĩnh được khi bán mình cho nhà tư bản, lẫn tiền công thực tế, tức là số lượng hàng hóa mà người công nhân có thể mua được bằng số tiền đó, cũng chưa phải là tất cả những quan hệ bao hàm trong tiền công.

Ngoài ra, tiền công còn do tỷ lệ của nó với tiền lời, với lợi nhuận của nhà tư bản, quyết định; đó là tiền công so sánh, tương đối.

Tiền công thực tế biểu hiện giá cả của lao động so với giá cả của những hàng hóa khác, trái lại, tiền công tương đối biểu hiện ra là

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động của mình" là những chữ "sức lao động của mình".

giá cả của lao động trực tiếp so với giá cả của lao động tích lũy, là giá trị tương đối giữa lao động làm thuê và tư bản, là giá trị tương hỗ giữa nhà tư bản và người công nhân[1*].

Tiền công thực tế có thể vẫn như cũ, thậm chí nó có thể tăng lên nữa, nhưng tuy vậy tiền công tương đối vẫn có thể sụt xuống. Giả sử rằng giá cả của tất cả những tư liệu sinh hoạt đều giảm xuống 2/3, còn tiền công nhật thì sụt xuống có 1/3, nghĩa là từ 3 phrăng tụt xuống 2 phrăng, chẳng hạn. Mặc dù với 2 phrăng, người công nhân có thể mua được một số hàng hóa nhiều hơn số hàng hóa mà trước kia anh ta mua với 3 phrăng, nhưng tiền công của anh ta cũng vẫn sụt xuống so với lợi nhuận của nhà tư bản. Lợi nhuận của nhà tư bản (ví dụ, của người chủ xưởng) đã tăng lên thêm 1 phrăng, nói một cách khác, với một số giá trị trao đổi ít hơn mà nhà tư bản trả cho công nhân thì giờ đây, người công nhân phải sản xuất ra một số giá trị trao đổi nhiều hơn trước kia. Giá trị của tư bản đã tăng lên

---

1* Trong lần xuất bản năm 1891, Ăng-ghen đã sửa lại đoạn bắt đầu từ "trái lại, tiền công tương đối" thành như sau: "trái lại, tiền công tương đối biểu hiện cái phần mà lao động trực tiếp nhận được trong giá trị mới do nó sáng tạo ra, so với cái phần mà lao động tích lũy, tức tư bản, thu được trong giá trị mới đó.

Trên kia, trang 14 [xem tập này, tr. 542], chúng ta đã nói: "Vậy tiền công không phải là cái phần của người công nhân trong hàng hóa do anh ta sản xuất ra. Tiền công là cái phần hàng hóa đã có sẵn mà nhà tư bản dùng để mua cho mình một số lượng sức lao động sản xuất nhất định". Nhưng nhà tư bản phải thu lại số tiền công đó bằng cách lấy trong số tiền thu được nhờ bán sản phẩm do người công nhân sản xuất ra; hắn phải thu lại số tiền công đó như thế nào để theo lệ thường, hắn còn lại được một số dư ngoài những chi phí sản xuất mà hắn đã bỏ ra, tức là còn lại được một lợi nhuận. Đối với nhà tư bản, giá bán hàng hóa do người công nhân sản xuất ra, phân giải thành ba phần: *một là,* phần để bù lại giá cả nguyên liệu do hắn đã ứng ra, cùng với việc bù lại số hao mòn công cụ, máy móc và những tư liệu lao động khác cũng do hắn ứng trước; *hai là*, phần để bù lại số tiền công mà nhà tư bản đã ứng trước, *và ba là*, phần dôi ra ngoài tất cả những cái đó, tức lợi nhuận của nhà tư bản. Trong khi phần thứ nhất chỉ bù lại những *giá trị trước kia đã có rồi,* thì rõ ràng là phần bù lại tiền công, cũng như số dư cấu thành lợi nhuận của nhà tư bản, là do *cái giá trị mới, do lao động của công nhân sáng tạo ra* và được cộng thêm vào giá trị của nguyên liệu, mà có. Và *theo ý nghĩa này,* - để so sánh chúng với nhau - chúng ta có thể coi cả tiền công lẫn lợi nhuận là những phần trong sản phẩm do công nhân làm ra".

so với giá trị của lao động[1*]. Việc phân phối của cải xã hội giữa tư bản và lao động lại càng trở nên không đồng đều hơn. Với cùng một số tư bản đó, nhà tư bản chi phối được một số lượng lao động nhiều hơn. Quyền lực của giai cấp các nhà tư bản đối với giai cấp công nhân đã tăng lên, địa vị xã hội của công nhân trở nên tồi tệ hơn, và sụt xuống một mức nữa so với địa vị của nhà tư bản.

Vậy thì *quy luật chung* nào *quyết định sự giảm sút và sự tăng thêm của tiền công và lợi nhuận, trong mối liên hệ qua lại giữa chúng với nhau.*

Tiền công và lợi nhuận là tỷ lệ nghịch với nhau. Giá trị trao đổi[2*] *của tư bản, tức là lợi nhuận, tăng lên theo tỷ lệ mà giá trị trao đổi*[3*] *của lao động, tức là tiền công nhật, sụt xuống, và ngược lại. Lợi nhuận tăng lên theo mức độ mà tiền công sụt xuống và giảm xuống theo mức độ tiền công tăng lên.*

Có thể là người ta sẽ cãi lại rằng nhà tư bản có thể kiếm lời được là nhờ đã trao đổi một cách có lợi sản phẩm của hắn với những nhà tư bản khác; rằng do phát hiện ra những thị trường mới hoặc do những nhu cầu trên các thị trường cũ tăng lên đột ngột, v.v. mà số cầu về hàng hóa của hắn sẽ tăng lên; rằng do đó, lợi nhuận của nhà tư bản này có thể tăng lên trên lưng những nhà tư bản khác, một cách độc lập với sự lên xuống của tiền công, của giá trị trao đổi của lao động[4*]; hay sẽ cãi rằng lợi nhuận của nhà tư bản cũng có thể tăng lên do việc cải tiến những công cụ lao động, do việc sử dụng những lực lượng tự nhiên theo phương pháp mới v.v..

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "Giá trị của tư bản đã tăng lên so với giá trị của lao động" là những chữ "Phần của tư bản đã tăng lên so với phần của lao động".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ *"Giá trị trao đổi của tư bản"* là những chữ *"Phần của tư bản"*.

3* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ *"giá trị trao đổi của lao động"* là những chữ *"phần của lao động"*.

4* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ "sức lao động".

Trước hết, người ta phải thừa nhận rằng kết luận cũng vẫn như thế, mặc dầu người ta đạt tới kết luận đó bằng con đường ngược lại. Sự thật, lợi nhuận tăng lên không phải vì tiền công đã sụt xuống, nhưng tiền công đã sụt xuống, vì lợi nhuận tăng lên. Với cùng một số lượng lao động[1*], nhà tư bản đã mua được một số lượng giá trị trao đổi nhiều hơn, nhưng đồng thời lại không vì thế mà phải trả đắt hơn cho lao động; như thế nghĩa là lao động được trả rẻ hơn so với số thu nhập ròng mà lao động đã đem lại cho nhà tư bản.

Thêm nữa, chúng ta hãy nhớ lại rằng bất chấp những biến động của giá cả hàng hóa, giá cả trung bình của mỗi một hàng hóa, tức tỷ lệ theo đó hàng hóa này được trao đổi với những hàng hóa khác, vẫn là do *chi phí sản xuất* của hàng hóa đó, quyết định. Vì vậy, những sự lừa bịp lẫn nhau trong toàn bộ giai cấp các nhà tư bản, nhất định sẽ bù trừ lẫn nhau. Việc cải tiến máy móc, những phương thức mới vận dụng các lực lượng của tự nhiên vào sản xuất, cho phép tạo ra, trong một thời gian nhất định và với một số lượng lao động và tư bản như trước, một khối lượng sản phẩm nhiều hơn, chứ không hề tạo ra một khối lượng giá trị trao đổi nhiều hơn. Nếu khi sử dụng máy kéo sợi, trong một giờ tôi có thể sản xuất được một số sợi gấp đôi số sợi trước khi phát minh ra máy kéo sợi, ví dụ sản xuất được một trăm pao chứ không phải năm mươi pao thì khi trao đổi một trăm pao ấy, tôi sẽ không nhận được[2*] nhiều hàng hóa hơn số mà trước kia tôi đã đổi bằng năm mươi pao, vì chi phí sản xuất đã sụt xuống một nửa, hoặc là vì với cũng như chi phí như thế, tôi có thể sản xuất được một số sản phẩm nhiều gấp đôi.

Cuối cùng, dù giai cấp các nhà tư bản, tức giai cấp tư sản - dù đó là trong một nước, hoặc trên toàn bộ thị trường thế giới - có

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động" là những chữ: "lao động của người khác".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, sau những chữ "nhận được" có thêm một đoạn như sau: "trung bình trong một thời gian tương đối lâu dài".

phân chia cho nhau thu nhập ròng do sản xuất đem lại theo một tỷ lệ như thế nào chăng nữa thì tổng số thu nhập ròng đó dầu sao cũng chỉ là tổng số mà lao động sống[1*] rút cục đã thêm vào lao động tích lũy nói chung. Do đó, tổng số ấy tăng lên theo tỷ lệ mà lao động làm tăng tư bản, nghĩa là tăng lên theo tỷ lệ tăng của lợi nhuận so với tiền công.

Vậy, chúng ta thấy rằng ngay cả khi chúng ta đứng trong *phạm vi quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê, lợi ích của tư bản và lợi ích của lao động làm thuê cũng vẫn đối lập hẳn với nhau.*

Tư bản tăng lên nhanh chóng có nghĩa là lợi nhuận cũng tăng lên nhanh chóng. Lợi nhuận chỉ có thể tăng lên nhanh chóng khi nào giá trị trao đổi của lao động[2*], khi tiền công tương đối, sụt xuống cũng nhanh chóng như thế. Tiền công tương đối có thể sụt xuống ngay cả khi cùng với tiền công danh nghĩa, tức là với giá trị bằng tiền của lao động, tiền công thực tế tăng lên, chỉ cần là tiền công thực tế không tăng lên theo cùng mức độ với lợi nhuận. Ví dụ, nếu như trong những thời kỳ làm ăn thuận lợi, tiền công tăng lên 5%, còn lợi nhuận tăng lên 30% thì tiền công so sánh tương đối, không *tăng lên,* mà còn *sụt xuống.*

Như vậy, nếu thu nhập của người công nhân cũng tăng lên cùng với việc tăng lên nhanh chóng của tư bản thì vực thẳm xã hội ngăn cách giữa người công nhân và nhà tư bản đồng thời cũng rộng ra, và cùng với điều đó, quyền lực của tư bản đối với lao động, sự lệ thuộc của lao động vào tư bản cũng tăng thêm.

Nói rằng người công nhân quan tâm đến sự tăng lên nhanh chóng của tư bản, thì trên thực tế, chỉ có nghĩa là: người công nhân càng tăng nhanh của cải của người khác lên thì những mẩu bánh vụn người ta ném cho anh ta càng béo bở hơn, số công nhân có việc làm có thể

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "lao động sống" là những chữ "lao động trực tiếp".

2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "giá trị trao đổi của lao động" là những chữ: "giá cả của lao động".

là nhiều hơn và sinh sôi nảy nở nhiều hơn, con số nô lệ phụ thuộc vào tư bản có thể tăng lên nhiều hơn.

Như vậy, chúng ta thấy rằng:

Ngay cả *hoàn cảnh thuận lợi nhất* cho giai cấp công nhân, tức là *hoàn cảnh tư bản tăng lên hết sức nhanh,* - dù nó có cải thiện đời sống vật chất của người công nhân như thế nào đi nữa, - cũng không xóa bỏ được sự đối lập giữa lợi ích của công nhân và lợi ích của nhà tư sản, lợi ích của nhà tư bản. *Lợi nhuận và tiền công vẫn tỷ lệ nghịch với nhau như trước.*

Nếu tư bản tăng nhanh thì tiền công có thể tăng lên, nhưng lợi nhuận của nhà tư bản lại tăng lên vô cùng nhanh hơn. Hoàn cảnh vật chất của công nhân được cải thiện, nhưng lại làm thiệt hại đến hoàn cảnh xã hội của anh ta. Vực thẳm xã hội ngăn cách giữa anh ta với nhà tư bản lại rộng thêm ra.

Cuối cùng:

Nói rằng tư bản tăng lên hết sức nhanh chóng là điều kiện thuận lợi nhất cho lao động làm thuê, nói như thế thật ra chỉ có nghĩa là: giai cấp công nhân càng nhân gấp bội và càng làm tăng thêm thế lực đang thù địch với mình, số của cải của người khác đang thống trị mình thì những điều kiện, - những điều kiện khiến cho giai cấp công nhân lại lao động để làm tăng thêm của cải của giai cấp tư sản, để làm tăng thêm quyền lực của tư bản và tự bằng lòng về việc tự mình rèn cho mình những xiềng xích bằng vàng mà giai cấp tư sản dùng để dắt mình theo nó - sẽ càng thuận lợi hơn.

V

Khuên, ngày 10 tháng Tư. Nhưng có thật là *sự tăng lên của tư bản sản xuất* là gắn liền không thể tách rời với *sự tăng lên của tiền công* như những nhà kinh tế học tư sản vẫn nói hay không? Chúng ta không nên tin vào lời nói của họ. Chúng ta cũng không thể tin họ, ngay cả khi họ nói rằng tư bản càng béo lên bao nhiêu thì nô lệ của tư bản càng được nuôi dưỡng tốt hơn bấy nhiêu. Giai cấp tư sản quá sáng suốt, quá chi ly, thành thử nó không thể chia sẻ những thiên kiến của tên chúa phong kiến hãnh diện với cái vẻ hào nhoáng của đám đầy tớ của mình. Những điều kiện sống còn của giai cấp tư sản buộc nó phải chi ly.

Vì vậy, chúng ta sẽ phải nghiên cứu kỹ hơn vấn đề:

Tư bản sản xuất tăng lên ảnh hưởng như thế nào đến tiền công?

Nếu toàn bộ tư bản sản xuất trong xã hội tư sản tăng lên thì lao động được tích lũy *nhiều mặt hơn.* Số tư bản và quy mô của chúng[1*] tăng thêm. Tư bản *tăng lên* thì cũng đẩy mạnh *sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản. Việc tăng quy mô* của các tư bản cho phép đưa ra *trận địa công nghiệp những đạo quân công nhân hùng mạnh hơn được vũ trang bằng những công cụ chiến đấu to lớn hơn.*

Một nhà tư bản chỉ có thể loại trừ một nhà tư bản khác ra khỏi trường chiến đấu và chiếm lấy tư bản của người này, nếu hắn bán rẻ hơn. Để có thể bán rẻ hơn mà không bị sạt nghiệp thì phải sản xuất rẻ hơn, nghĩa là cố hết sức tăng sức sản xuất của lao động lên. Còn sức sản xuất của lao động thì tăng lên trước hết là bằng cách *phân công lao động chi tiết hơn,* bằng cách áp dụng *máy móc* một cách toàn diện hơn và luôn luôn cải tiến những máy móc đó. Đạo quân

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "Số tư bản và quy mô của chúng" là những chữ: "Con số các nhà tư bản và quy mô tư bản của họ".

công nhân trong đó lao động được phân công mà càng lớn, quy mô sử dụng máy móc mà càng lớn thì chi phí sản xuất càng giảm xuống một cách tương đối, lao động lại trở nên có năng suất hơn. Do đó mà nảy sinh một sự cạnh tranh toàn diện giữa các nhà tư bản: họ cố tăng thêm sự phân công lao động và số lượng máy móc, và sử dụng cả hai trên một quy mô càng lớn càng tốt.

Nhưng nhà tư bản sẽ hành động như thế nào, nếu nhờ một sự phân công lao động chi tiết hơn, nhờ áp dụng và cải tiến những máy móc mới, nhờ sử dụng những lực lượng tự nhiên một cách có lợi hơn và rộng rãi hơn mà nhà tư bản có thể, với một số lượng lao động hay lao động tích lũy như cũ, sản xuất ra một số lượng sản phẩm, một số lượng hàng hóa nhiều hơn so với những kẻ cạnh tranh với hắn, chẳng hạn như trong một thời gian lao động, những kẻ cạnh tranh với hắn dệt được một nửa ác-sin vải, còn hắn lại sản xuất được cả một ác-sin?

Hắn sẽ có thể bán một nửa ác-sin vải như trước theo giá cả thị trường cũ, nhưng trong trường hợp đó, hắn sẽ không thể loại được các địch thủ của hắn ra khỏi trường chiến đấu và sẽ không thể tăng thêm thị trường tiêu thụ của hắn. Trong khi đó, sản xuất của hắn càng mở rộng thì hắn lại càng cần có nhiều nơi tiêu thụ. Thật ra, những tư liệu sản xuất mạnh hơn và đắt tiền hơn mà hắn đã tạo ra *cho phép* hắn bán hàng hóa của hắn rẻ hơn, nhưng đồng thời cũng *buộc* hắn phải *bán nhiều hàng hóa hơn,* phải chiếm được một thị trường vô cùng *lớn hơn* cho những hàng hóa của hắn; vì vậy, nhà tư bản của chúng ta sẽ đem bán nửa ác-sin vải rẻ hơn những kẻ cạnh tranh với hắn.

Nhưng mặc dầu đối với nhà tư bản, việc sản xuất cả một ác-sin vải không đắt hơn việc sản xuất ra nửa ác-sin vải của những người kia, nhà tư bản đó vẫn sẽ không đem bán cả ác-sin vải theo giá cả như giá cả mà những kẻ cạnh tranh với hắn đem bán nửa ác-sin vải của chúng. Nếu không thì hắn sẽ không thu được một món lời thêm nào cả, và thông qua trao đổi, hắn sẽ chỉ hoàn lại được chi phí sản xuất của hắn mà thôi. Và nếu như thu nhập của hắn vẫn tăng lên

thì đó chỉ là vì hắn đã vận dụng một số tư bản lớn hơn, chứ không phải vì tư bản của hắn đã làm tăng giá trị của nó theo một mức lớn hơn so với những tư bản khác. Vả lại, hắn vẫn đạt được mục đích mà hắn mong muốn, khi hắn quy định cho hàng hóa của hắn một giá cả chỉ thấp hơn giá cả của những kẻ cạnh tranh với hắn vài phần trăm thôi. Bằng cách *hạ giá cả,* hắn loại những kẻ cạnh tranh với hắn ra khỏi thị trường, hay ít ra cũng chiếm được của bọn họ một phần thị trường tiêu thụ của họ. Và cuối cùng, chúng ta hãy nhớ lại là giá cả thông thường bao giờ cũng *cao hơn* hay *thấp hơn chi phí sản xuất,* tùy theo hàng hóa được bán vào một thời cơ thuận lợi hay không thuận lợi đối với công nghiệp. Tùy theo giá cả thị trường của một ác-sin vải cao hơn hay thấp hơn chi phí sản xuất thông thường từ trước tới nay, mà những tỷ số phần trăm do nhà tư bản dùng những tư liệu sản xuất mới, có năng suất hơn, thu được ngoài số chi phí sản xuất thật sự của hắn, sẽ nhiều hoặc ít.

Nhưng *đặc quyền* của nhà tư bản chúng ta sẽ không lâu dài: những nhà tư bản cạnh tranh với hắn rồi cũng sẽ dùng những máy móc như thế, lối phân công lao động như thế, theo một quy mô cũng như thế hoặc lớn hơn, - và những sự cải tiến như vậy sẽ trở thành phổ biến cho đến lúc mà giá cả của vải *hạ xuống* không những dưới *chi phí sản xuất trước kia mà còn dưới cả những chi phí sản xuất mới nữa.*

Vậy là đối với nhau, các nhà tư bản lại ở vào đúng cái tình trạng như *trước* lúc họ dùng những tư liệu sản xuất mới, và nếu nhờ những tư liệu sản xuất đó, họ đã có thể cung cấp một số sản phẩm gấp đôi với một giá cũng như trước thì *bây giờ*, họ buộc phải bán một số sản phẩm gấp đôi với giá cả *thấp hơn* giá cũ. Đến cái mức của những chi phí sản xuất mới đó, thì cái trò cũ lại bắt đầu lại từ đầu: phân công lao động lại được tiến hành tỉ mỉ hơn, số lượng máy móc lại tăng thêm, quy mô sử dụng phân công lao động và máy móc lại tăng lên. Và cạnh tranh lại đẻ ra một phản tác dụng giống như thể đối với kết quả đó.

Như thế là chúng ta thấy phương thức sản xuất, tư liệu sản xuất luôn luôn được cải biến, luôn luôn được cách mạng hóa như thế nào:

sự phân công lao động nhất thiết phải đưa đến một sự phân công tỉ mỉ hơn, việc dùng những máy móc nhất thiết phải đưa đến việc dùng nhiều máy móc hơn, sản xuất trên một quy mô lớn nhất thiết phải đưa đến việc sản xuất trên một quy mô lớn hơn nữa như thế nào.

Đó là một quy luật luôn luôn đánh bật nền sản xuất tư sản ra khỏi quỹ đạo cũ của nó và buộc tư bản phải làm cho những sức sản xuất của lao động khẩn trương thêm, bởi vì trước đó tư bản đã làm cho những sức sản xuất đó khẩn trương rồi; đó là quy luật không cho tư bản một phút nghỉ ngơi và luôn luôn rỉ vào tai tư bản: Tiến lên! Tiến lên!

Đó chính là cái quy luật tất yếu phải san bằng giá cả một hàng hóa cho ngang với *chi phí sản xuất của hàng hóa đó* trong khuôn khổ của những biến động chu kỳ của thương mại.

Dù cho nhà tư bản có dùng những tư liệu sản xuất mạnh mẽ đến đâu chăng nữa, nhưng cạnh tranh cũng sẽ làm cho những tư liệu sản xuất đó được sử dụng phổ biến, và khi những tư liệu đó đã được sử dụng phổ biến thì hậu quả duy nhất của một năng suất lớn hơn của tư bản của hắn ta chỉ là: giờ đây, *với giá cả như trước* hắn phải cung cấp một số sản phẩm nhiều gấp 10, 20, 100 lần trước kia. Nhưng vì giờ đây, có thể là hắn phải tiêu thụ 1 000 lần nhiều hơn trước để lấy việc tăng số lượng sản phẩm bán ra mà bù lại việc giảm giá bán; vì bây giờ, việc bán một số lượng hàng hóa lớn hơn là cần thiết không những để kiếm được lợi nhuận[1*] mà cũng còn để bù lại chi phí sản xuất; vì các công cụ sản xuất, như chúng ta đã thấy, cũng ngày càng đắt lên; vì việc bán hàng loạt như vậy không những đã trở thành một vấn đề sống còn đối với hắn mà còn đối với những kẻ cạnh tranh với hắn nữa, cho nên cuộc đấu tranh trước đây *lại càng nổ ra khốc liệt hơn, khi những tư liệu sản xuất đã phát minh ra càng có năng suất cao hơn. Do đó, sự phân công lao động và việc sử dụng máy móc lại sẽ phát triển theo một quy mô vô cùng lớn hơn.*

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "kiếm được lợi nhuận" là những chữ: "kiếm được nhiều lợi nhuận hơn".

Dù cho các tư liệu sản xuất được sử dụng có sức mạnh đến thế nào chăng nữa, nhưng cạnh tranh vẫn cứ cố đoạt lấy của tư bản những trái quả bằng vàng của sức mạnh đó, bằng cách hạ giá cả hàng hóa xuống ngang với chi phí sản xuất; do đó, theo mức độ xuất hiện khả năng sản xuất rẻ hơn, nghĩa là sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn với một lượng lao động như cũ, theo mức độ ấy, cạnh tranh cũng làm cho việc sản xuất rẻ và việc cung cấp những khối lượng sản phẩm ngày càng nhiều với một tổng số giá cả như trước, trở thành một quy luật bất di bất dịch. Như vậy, với những nỗ lực của mình, nhà tư bản sẽ chẳng được cái gì hết, ngoài việc bị bắt buộc phải sản xuất nhiều hơn trong một thời gian lao động như trước, tóm lại là chẳng được cái gì hết, ngoài việc *làm cho những điều kiện trong đó diễn ra việc tăng giá trị của tư bản của hắn, càng trở nên xấu đi.* Vì vậy, trong khi cạnh tranh luôn luôn truy bức theo hắn bằng cái quy luật của nó về chi phí sản xuất, và trong khi mỗi một vũ khí hắn rèn đúc ra để chống những đối thủ của hắn lại quay lại chống bản thân hắn, thì nhà tư bản luôn luôn tìm cách thắng cạnh tranh bằng cách không ngừng thay những máy móc cũ và sự phân công lao động cũ bằng những máy móc mới và sự phân công lao động mới, thật ra thì tốn kém hơn, nhưng lại sản xuất được rẻ hơn, chứ không đợi cạnh tranh làm cho những máy móc và sự phân công lao động mới đó lỗi thời đi.

Bây giờ, chúng ta hãy hình dung rằng cái tình hình phấn khích náo nhiệt ấy *đồng thời* xâm chiếm *toàn bộ thị trường thế giới*, chúng ta sẽ hiểu được làm thế nào mà sự lớn lên, sự tích lũy và sự tập trung của tư bản lại dẫn đến việc phân công lao động ngày càng gấp rút và theo một quy mô ngày càng khổng lồ hơn, việc sử dụng những máy móc mới và việc cải tiến những máy móc cũ một cách liên tục.

Vậy thì những hoàn cảnh ấy, gắn liền với sự lớn lên của tư bản sản xuất, ảnh hưởng tới việc quy định tiền công như thế nào?

Sự *phân công lao động*, chi tiết hơn cho phép *một* công nhân có thể thực hiện công việc của 5, 10, 20 người, do đó làm cho sự cạnh tranh giữa công nhân tăng lên 5, 10, 20 lần. Sự cạnh tranh giữa

công nhân với nhau không chỉ là ở chỗ người công nhân này bán mình rẻ hơn người công nhân kia, mà còn ở chỗ *một* người công nhân thực hiện công việc của 5, 10, 20 người; và chính *sự phân công lao động* do tư bản thực hành và thường xuyên mở rộng ra, bắt buộc người công nhân phải cạnh tranh lẫn nhau như thế.

Tiếp nữa, *sự phân công lao động* càng tăng bao nhiêu thì lao động cũng càng *trở nên giản đơn* bấy nhiêu. Sự khéo léo đặc biệt của người công nhân mất hết mọi giá trị. Người công nhân sẽ biến thành một sức sản xuất giản đơn, đơn điệu, không đòi hỏi phải có những năng lực và kỹ năng đặc biệt về mặt thể chất hay trí tuệ. Lao động của anh ta trở thành thứ lao động mà ai cũng làm được. Chính vì vậy mà những kẻ cạnh tranh dồn ép người công nhân từ tứ phía; chúng ta hãy nhớ thêm rằng một lao động nào đó mà càng đơn giản và dễ học bao nhiêu thì lại càng cần ít chi phí sản xuất để học bấy nhiêu, và tiền công càng hạ xuống bấy nhiêu, vì tiền công, cũng như giá cả của bất cứ hàng hóa nào khác, đều do chi phí sản xuất quyết định.

Vậy lao động càng làm cho người ta ít thích thú bao nhiêu, càng trở nên kinh tởm bao nhiêu thì sự cạnh tranh lại càng tăng lên và tiền công càng sụt xuống bấy nhiêu. Người công nhân tìm cách giữ vững tổng số tiền công của mình, bằng cách làm việc nhiều hơn; làm nhiều giờ hơn; hoặc sản xuất nhiều hơn trong cùng một giờ. Như vậy là bị sự túng thiếu thúc ép, anh ta lại làm tăng thêm hơn nữa những hậu quả tai hại của sự phân công lao động. Kết quả là *anh ta càng làm việc nhiều bao nhiêu thì càng lĩnh được ít tiền công bấy nhiêu,* và sở dĩ như thế là vì lý do đơn giản sau đây: anh ta càng làm việc nhiều bao nhiêu thì càng tạo ra một sự cạnh tranh mạnh bấy nhiêu của đồng nghiệp với anh ta, và vì vậy, anh ta lại càng biến đồng nghiệp thành những kẻ cạnh tranh với mình bấy nhiêu, thành những kẻ cạnh tranh tự bán mình với những điều kiện cũng tồi tệ như bản thân anh ta; do đó, vì cái lý do đơn giản là: rút cục, anh ta *cạnh tranh với bản thân anh ta, với bản thân anh ta, một thành viên của giai cấp công nhân.*

Máy móc cũng sản sinh ra một tác dụng như thế, nhưng trên một

quy mô còn lớn hơn nhiều, vì chúng loại bỏ những công nhân khéo léo và thay thế họ bằng những công nhân ít khéo léo, thay đàn ông bằng đàn bà, thay người lớn bằng trẻ em, vì ở nơi nào mà máy móc được đem dùng lần đầu tiên thì nó ném hàng đống công nhân thủ công ra vỉa hè, còn ở chỗ nào mà máy móc được hoàn thiện, được cải tiến và được thay bằng những máy móc có năng suất hơn thì ở đấy, chúng loại trừ từng nhóm công nhân một. Trên kia, chúng ta đã phác họa cuộc chiến tranh công nghiệp giữa các nhà tư bản với nhau; *cuộc chiến tranh đó có đặc điểm là ở đó, những trận đánh sở dĩ thắng lợi là do giảm đạo quân công nhân hơn là do tăng thêm đạo quân ấy. Các tướng soái, tức là các nhà tư bản, ganh đua với nhau xem ai loại được nhiều lính công nghiệp hơn.*

Thật ra, các nhà kinh tế học nói với chúng ta rằng những công nhân mà máy móc đã làm cho trở thành thừa, sẽ tìm được công ăn việc làm trong những ngành công nghiệp *mới.*

Họ không dám quả quyết thẳng ra rằng chính những người công nhân bị sa thải đó sẽ tìm được việc làm trong những ngành lao động mới. Sự thật đã lớn tiếng thét lên chống lại lời nói dối trá đó. Nói cho đúng ra, họ chỉ quả quyết rằng *những bộ phận cấu thành khác của giai cấp công nhân,* chẳng hạn như bộ phận thế hệ công nhân trẻ tuổi sắp bước vào trong ngành công nghiệp đã suy vi, thì còn có cơ hội tìm được công ăn việc làm mới. Dĩ nhiên, đó là một sự an ủi lớn đối với những công nhân bất hạnh. Các ngài tư bản sẽ không thiếu gì thịt và máu tươi để bóc lột, người ta sẽ để cho những kẻ đã chết chôn những xác chết của họ. Đó là điều an ủi mà các nhà tư sản dùng để tự an ủi mình hơn là để an ủi công nhân. Nếu toàn bộ giai cấp những người làm thuê bị máy móc tiêu diệt hết thì thật là một điều đáng sợ đối với tư bản, vì không có lao động làm thuê thì tư bản không còn là tư bản nữa!

Nhưng chúng ta hãy giả định rằng những công nhân bị máy móc loại ra một cách trực tiếp khỏi một ngành sản xuất và toàn thể bộ

phận thuộc thế hệ trẻ làm trong ngành đó và có hy vọng kiếm được kế sinh nhai, *đều tìm được công ăn việc làm mới.* Liệu có thể tin được rằng việc làm mới này cũng sẽ được trả công cao như việc làm đã mất, hay không? *Điều ấy sẽ mâu thuẫn với tất cả mọi quy luật kinh tế.* Chúng ta đã thấy rằng công nghiệp hiện đại luôn luôn có xu hướng thay thế một công việc phức tạp, cao, bằng một công việc giản đơn, thấp hơn.

Trong trường hợp ấy, khối công nhân bị máy móc loại khỏi một ngành công nghiệp làm thế nào mà có thể tìm được chỗ đứng trong một ngành khác, trừ phi họ chịu nhận *một tiền công thấp hơn, tồi hơn?*

Người ta đã nêu trường hợp những công nhân lao động trong ngành sản xuất ra bản thân các máy móc, coi đó là một trường hợp ngoại lệ. Người ta đã nói rằng vì công nghiệp đòi hỏi và tiêu dùng nhiều máy móc hơn, nên con số máy móc tất nhiên phải tăng lên, do đó việc chế tạo máy móc cũng phải tăng lên và cùng với nó thì cả con số công nhân làm trong ngành đó cũng phải tăng lên; mà những công nhân làm việc trong ngành công nghiệp đó lại thuộc về số những công nhân lành nghề, hơn nữa lại là những công nhân có học thức nữa.

Lời khẳng định này, trước kia, cũng chỉ đúng có một nửa, còn từ năm 1840 trở đi thì cái vẻ đúng sự thật của nó không còn nữa, vì trong ngành sản xuất máy móc, cũng hoàn toàn giống như trong ngành sản xuất sợi, người ta dùng máy móc ngày càng phổ biến hơn, và so với những máy móc rất hoàn thiện thì những công nhân làm trong ngành sản xuất máy móc chỉ có thể đóng vai trò những chiếc máy rất không hoàn thiện mà thôi.

Nhưng thay cho một người đàn ông bị máy móc loại ra, thì có thể là công xưởng sẽ đem lại công ăn việc làm cho *ba* trẻ em và *một* phụ nữ! Nhưng lẽ nào tiền công của một người đàn ông trước kia lại không đủ để nuôi cả ba đứa con và người vợ sao? Lẽ nào tiền công

tối thiểu lại không đủ để duy trì và tăng thêm nòi giống sao? Thế thì trong trường hợp này, những câu nói mà bọn tư sản thích dùng đó, chứng minh cái gì? Chỉ chứng minh một điều: bây giờ muốn nuôi *một* gia đình công nhân thì phải tiêu tốn đời sống công nhân gấp bốn lần trước kia.

Chúng ta hãy tóm tắt: *Tư bản sản xuất càng tăng lên thì phân công lao động và việc sử dụng máy móc lại càng mở rộng. Phân công lao động và việc sử dụng máy móc càng mở rộng thì cạnh tranh giữa công nhân với nhau lại càng tăng lên và tiền công của họ lại càng giảm xuống.*

Hơn nữa giai cấp công nhân cũng được bổ sung từ *những tầng lớp cao hơn của xã hội*; rất nhiều nhà công nghiệp nhỏ và những nhà thực lợi nhỏ rơi vào hàng ngũ giai cấp vô sản, vì họ chẳng còn có gì khác nữa ngoài việc chìa những bàn tay của mình ra xin việc, bên cạnh những bàn tay của công nhân. Do đó, cái đừng tay giơ lên để xin việc ngày càng rậm rạp thêm, còn bản thân những cánh tay đó thì ngày càng gầy guộc thêm.

Hoàn toàn rõ ràng là nhà công nghiệp nhỏ không sao đương đầu nổi với một cuộc chiến tranh[1*] mà một trong những điều kiện đầu tiên là sản xuất trên những quy mô ngày càng mở rộng, nghĩa là phải làm một nhà công nghiệp lớn, chứ hoàn toàn không thể làm một nhà công nghiệp nhỏ được.

Dĩ nhiên, cả tình hình sau đây cũng không cần phải giải thích thêm nhiều nữa: tư bản tăng lên, khối lượng và số lượng của nó càng tăng lên thì lợi tức của tư bản càng giảm đi, vì vậy người thực lợi nhỏ cũng mất khả năng sống nhờ lợi tức của mình và phải nhảy vào công nghiệp, nghĩa là bổ sung cho hàng ngũ những nhà công nghiệp nhỏ và đồng thời làm tăng con số những kẻ đầu đơn gia nhập giai cấp vô sản.

Sau rốt, các nhà tư bản càng bị tiến trình phát triển mô tả trên kia bắt buộc phải khai thác, theo một quy mô ngày càng lớn hơn,

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "chiến tranh" là những chữ "đấu tranh".

những tư liệu sản xuất khổng lồ đã có sẵn, và nhằm mục đích đó, vận dụng mọi đòn bẩy của tín dụng, thì những cuộc động đất[1*], - trong đó giới thương mại sở dĩ được bảo tồn, chỉ là vì nó đem cúng cho những vị thần dưới địa ngục một phần của cải, sản phẩm và thậm chí cả những lực lượng sản xuất nữa, - lại càng nhiều hơn, tóm lại là các *cuộc khủng hoảng* càng tăng lên. Những cuộc khủng hoảng ấy ngày càng nhiều hơn và gay gắt hơn, vì khối lượng những sản phẩm càng tăng lên và do đó, nhu cầu mở rộng thị trường càng tăng thêm thì thị trường thế giới càng thu hẹp lại và ngày càng còn ít thị trường[2*] để bóc lột, do chỗ mỗi một cuộc khủng hoảng trước đều đã lôi cuốn vào thương nghiệp thế giới những thị trường mới hay những thị trường tới lúc đó mới được thương nghiệp khai thác chút ít. Nhưng tư bản không phải chỉ *sống* trên lưng lao động. Giống như một người chủ nô quý tộc và dã man, tư bản mang theo xuống mộ của nó xác của những nô lệ của nó, tức là hàng đám công nhân bị diệt vong trong thời gian các cuộc khủng hoảng. Như vậy, chúng ta thấy rằng *nếu tư bản tăng lên nhanh chóng thì cạnh tranh giữa công nhân lại càng tăng lên vô cùng nhanh chóng hơn, nghĩa là tư bản càng tăng lên nhanh chóng thì những phương tiện đem lại công ăn việc làm, những tư liệu sinh hoạt cho giai cấp công nhân, lại càng giảm đi tương đối mạnh hơn nữa; tuy vậy sự tăng nhanh của tư bản lại là điều kiện thuận lợi nhất cho lao động làm thuê.* (Còn tiếp)[299]

Do C.Mác viết, dựa theo những bài giảng do ông trình bày vào nửa cuối tháng Chạp 1847
Đã đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung" các số 264 - 267 và 269; từ ngày 5 đến 8 và ngày 11 tháng Tư 1849

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "động đất" là những chữ "động đất công nghiệp".
2* Trong lần xuất bản năm 1891, thay cho những chữ "thị trường" là những chữ "thị trường mới".